

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ XUẤT BẢN ĐỢT 1 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về xuất bản đợt 1 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3387-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về xuất bản.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 05/4/2025 đến ngày 31/5/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Trọng Thiên Ân	03.12.1988	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004321	NVXB01/2025.01	
2	Phạm Hà Minh Anh	31.01.2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004322	NVXB01/2025.02	
3	Nguyễn Thị Minh Bình	30.5.2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004323	NVXB01/2025.03	
4	Bùi Thị Bình	22.11.2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004324	NVXB01/2025.04	
5	An Thị Bích Đào	12.8.2000	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004325	NVXB01/2025.05	
6	Phan Công Đoàn	06.4.2004	Bình Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004326	NVXB01/2025.06	
7	Nguyễn Thùy Giang	06.12.1993	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004327	NVXB01/2025.07	
8	Trương Thị Hà	27.10.1979	Quảng Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004328	NVXB01/2025.08	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
9	Đỗ Thu Hà	17.12.1995	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004329	NVXB01/2025.09	
10	Nguyễn Thanh Hà	11.01.2002	Hà Tây	Nữ	Kinh	HBT/BD 004330	NVXB01/2025.10	
11	Nguyễn Thị Thu Hà	20.7.1988	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004331	NVXB01/2025.11	
12	Nguyễn Thúy Hiền	19.5.1990	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004332	NVXB01/2025.12	
13	Vũ Hùng	31.12.1991	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004333	NVXB01/2025.13	
14	Lê Thị Thanh Huyền	10.5.1993	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004334	NVXB01/2025.14	
15	Nguyễn Thanh Huyền	10.3.2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004335	NVXB01/2025.15	
16	Hà Thị Thanh Huyền	07.01.1995	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004336	NVXB01/2025.16	
17	Vương Ngọc Lam	12.02.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004337	NVXB01/2025.17	
18	Ngọc Lan	25.5.1978	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004338	NVXB01/2025.18	
19	Phạm Văn Lộc	05.8.1990	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004339	NVXB01/2025.19	
20	Lê Tuyết Mai	25.5.1981	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004340	NVXB01/2025.20	
21	Phạm Mây Mây	16.12.1993	Liên bang Nga	Nữ	Kinh	HBT/BD 004341	NVXB01/2025.21	
22	Phan Thị Nga	06.5.1983	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004342	NVXB01/2025.22	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
23	Phạm Thị Hồng Ngân	19.12.1988	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004343	NVXB01/2025.23	
24	Đèo Thị Kim Oanh	16.12.1987	Sơn La	Nữ	Thái	HBT/BD 004344	NVXB01/2025.24	
25	Nguyễn Thị Hồng Phúc	23.02.2000	Long An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004345	NVXB01/2025.25	
26	Trần Thu Phương	02.9.2001	Gia Lai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004346	NVXB01/2025.26	
27	Nguyễn Lan Phương	19.10.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004347	NVXB01/2025.27	
28	Thân Trọng Thanh Quỳnh	30.4.1991	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004348	NVXB01/2025.28	
29	Nguyễn Thúy Quỳnh	22.7.1978	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004349	NVXB01/2025.29	
30	Nguyễn Xuân Quỳnh	08.3.1991	Thanh Hóa	Nữ	Mường	HBT/BD 004350	NVXB01/2025.30	
31	Phạm Thanh Tâm	16.8.1993	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	HBT/BD 004351	NVXB01/2025.31	
32	Lê Thái Thanh	09.02.1987	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004352	NVXB01/2025.32	
33	Trần Trường Thành	11.02.1983	Phú Thọ	Nam	Kinh	HBT/BD 004353	NVXB01/2025.33	
34	Lê Thị Hồng Thơm	26.10.1990	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004354	NVXB01/2025.34	
35	Mai Văn Thường	10.8.2000	Đắk Nông	Nam	Kinh	HBT/BD 004355	NVXB01/2025.35	
36	Nguyễn Thị Thủy	09.6.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004356	NVXB01/2025.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Nguyễn Anh Tú	20.6.1974	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004357	NVXB01/2025.37	
38	Nguyễn Thị Tuyền	01.3.1978	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004358	NVXB01/2025.38	
39	Nguyễn Thanh Tuyền	03.5.1990	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004359	NVXB01/2025.39	

Tổng số: 39 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang